

Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 12 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 550/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Xuyên V, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B; Địa chỉ tạm trú: Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981; Địa chỉ thường trú: Xã B, huyện B, tỉnh B; Địa chỉ tạm trú: Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh B.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Xuyên V và ông Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuyên V và ông Nguyễn Thành T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 21/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Xuyên V).

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 06/02/2006 và cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/5/2008 cho bà Nguyễn Xuyên V được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thanh T1 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 con/tháng

cho đến khi cháu T và cháu T1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ban hành quyết định này.

Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Xuyên V có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông T còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung là Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thanh T1, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Xuyên V tự nguyện nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình; 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số **AA/2016-0050780 ngày 23/11/2020** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Hoàn trả lại cho bà V số tiền 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Hằng